

Số: 144/2023/QĐST-HNGĐ

P, ngày 23 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 216/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Long Q, sinh năm 1989;

Trú ở: Thôn Q, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1989;

Trú ở: Thôn Q, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 11 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phạm Long Q và chị Nguyễn Thị G.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Anh Phạm Long Q và chị Nguyễn Thị G thống nhất thỏa thuận giao cháu Phạm Nguyễn Khánh V, sinh ngày 21/9/2011 và Phạm Nguyễn Long Q, sinh ngày 18/4/2017 cho chị Nguyễn Thị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (Theo nguyện vọng của cháu V là ở với mẹ). Chị Nguyễn Thị G không yêu cầu anh Phạm Long Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở

Về tài sản chung: Anh Phạm Long Q và chị Nguyễn Thị G đề nghị Toà ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng như sau:

Anh Phạm Long Q có nghĩa vụ thôi lại cho chị Nguyễn Thị G số tiền 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) (*là phần tài sản chung của vợ chồng*). Thời hạn trả tiền nêu trên từ ngày 13/11/2023 đến ngày 13/11/2024 là dứt điểm.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Anh Phạm Long Q tự nguyện chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Q đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010151 ngày 10/10/2023 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Yên. Do đó, hoàn lại cho anh Phạm Long Q số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS H. P;
- UBND x.Hòa Trị, huyện P; Số 54, ngày 10/5/2011;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thúy Sơn